TÒA ÁN NHÂNDÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1665/2021/DS-ST
Ngày: 29-6-2021
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Minh Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Chí Quý

2. Bà Phan Thị Hoa

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Bùi Ngọc Tân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Nguyên - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 29 tháng 6 năm 2021, tại phòng xử B Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 665/2020/TLST-DS ngày 21 tháng 12 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3205/2021/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1985

Địa chỉ: đường O, khu phố W, phường T, thành phố Đ, thành phố H.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng C, sinh năm: 1963

Địa chỉ: đường O, khu phố W, phường T, thành phố Đ, thành phố H.

(Nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07 tháng 12 năm 2020 và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh T trình bày:

Ngày 27/5/2019, ông Nguyễn Thanh T có cho bà Nguyễn Thị Hồng C vay số tiền 100.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền số 004179;

Ngày 07/6/2019, ông T cho bà C vay số tiền 100.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền số 004574;

Ngày 05/8/2019, ông T cho bà C vay số tiền 100.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền số 006338;

Ngày 22/11/2019, ông T cho bà C vay số tiền 100.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền số 0009498;

Tất cả các hợp đồng vay tiền trên đều được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Điệp với thời hạn vay là 01 năm kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất do hai bên thỏa thuận.

Tổng cộng số tiền ông T cho bà C vay là 400.000.000 đồng. Đã quá thời hạn vay, ông T đã nhiều lần yêu cầu bà C trả tiền nhưng bà C cố tiền né tránh, không trả tiền cho ông T.

Nay ông T khởi kiện yêu cầu bà C trả số tiền đã vay là 400.000.000 đồng và không yêu cầu trả tiền lãi.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị Hồng C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của ông T. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T vẫn giữ nguyên yêu cầu bà C trả số tiền đã vay là 400.000.000 đồng và không yêu cầu trả tiền lãi.

Bà Nguyễn Thị Hồng C vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phát biển ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

+ Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định pháp luật, tuân theo nội quy phiên tòa. Đương sự có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự đúng quy định pháp luật.

+ Về giải quyết nội dung vụ kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Thanh T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng C (có đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9 nay là thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh) trả số tiền đã vay nên đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 9 nay là Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà C theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Ông Nguyễn Thanh T xác định chỉ yêu cầu một mình bà C có trách nhiệm trả các khoản tiền đã vay, không yêu cầu trách nhiệm liên đới vợ chồng bà C. Xét bà C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không có ý kiến gì. Do đó, Tòa án không triệu tập chồng bà C (nếu có) tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Ông T khởi kiện yêu cầu bà C trả số tiền đã vay là 400.000.000 đồng và không yêu cầu bà C trả tiền lãi.

Căn cứ vào Hợp đồng vay tiền được công chứng tại Văn phòng Nguyễn Điệp có nội dung: ông T cho bà C vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất do hai bên thỏa thuận, thời hạn vay 01 năm kể từ ngày ký hợp đồng;

Căn cứ vào Hợp đồng vay tiền được công chứng tại Văn phòng Nguyễn Điệp có nội dung: ông T cho bà C vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất do hai bên thỏa thuận, thời hạn vay 01 năm kể từ ngày ký hợp đồng;

Căn cứ vào Hợp đồng vay tiền được công chứng tại Văn phòng Nguyễn Điệp có nội dung: ông T cho bà C vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất do hai bên thỏa thuận, thời hạn vay 01 năm kể từ ngày ký hợp đồng;

Căn cứ vào Hợp đồng vay tiền được công chứng tại Văn phòng Nguyễn Điệp có nội dung: ông T cho bà C vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất do hai bên thỏa thuận, thời hạn vay 01 năm kể từ ngày ký hợp đồng.

Có căn cứ xác định ông T có cho bà C vay số tiền 400.000.000 đồng.

Xét việc ông T cho bà C vay số tiền 400.000.000 đồng là có thật, đã quá thời hạn trả nợ mà bà C không trả số tiền đã vay cho ông T là đã gây thiệt hại nhất định đến quyền lợi của ông T.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị Hồng C phải trả cho ông Nguyễn Thanh T số tiền đã vay là 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Ghi nhận ông T không yêu cầu bà C trả tiền lãi.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn lại cho ông Nguyễn Thanh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 463, Điều 466 và Điều 357 Bộ luật Dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng C có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Thanh T số tiền đã vay là 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Ghi nhận ông T không yêu cầu bà C trả tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian còn phải thi hành.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn lại cho ông Nguyễn Thanh T số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9 (nay là Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Trường hợp vắng mặt, thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TANDTP. HCM;
- Viện KSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Minh Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Chí Quý **Phan Thị Hoa** **Lương Minh Hiếu**